

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng từ đáy ngắn hạn quanh ngưỡng 1,675 lên đóng cửa tại mốc 1,704.31 điểm, tăng hơn 27 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường khá cân bằng với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản và Dầu khí dẫn đầu đà tăng. Ở chiều ngược lại, ngành Viễn thông giảm mạnh nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Nhịp hồi phục hôm nay chủ yếu dựa vào nhóm cổ phiếu Vin. Đà hồi phục của thị trường cần sự lan tỏa mạnh hơn để tránh những nhịp điều chỉnh mạnh. Trong ngắn hạn, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên kiểm định ngưỡng kháng cự 1,715 (tương đương Fibonacci 0.618).

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 19/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+27.33** điểm, đóng cửa tại **1704.31** điểm. HNX-Index **+0.74** điểm, đóng cửa tại **253.97** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+6.91)**, **VIC (+5.58)**, **VPL (+2.26)**, **VCB (+1.41)**, **BSR (+1.27)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.50)**, **DGC (-0.40)**, **GEE (-0.34)**, **HVN (-0.33)**, **LPB (-0.21)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,958** tỷ đồng, tăng **55.54%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 24,187 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 28.09 điểm. Thị trường có **162** mã tăng, 59 mã tham chiếu, **154** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **521.39** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (344.23 tỷ)**, **SSI (307.26 tỷ)**, **BSR (154.60 tỷ)**, **VIX (150.56 tỷ)**, **MSN (147.45 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **30.80** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.98%**. Các mã diễn biến tích cực:
VHM (+6.95%) [\(Link báo cáo\)](#)
BSR (+6.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
SSI (+3.18%)
- BSC50 **+0.37%**. Các mã diễn biến tích cực:
FTS (+6.72%)
VRE (+4.45%) [\(Link báo cáo\)](#)
VIC (+4.06%) [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.98%	0.37%	1.63%	1.57%
1 tuần	2.19%	3.09%	3.49%	3.55%
1 tháng	-3.95%	-4.65%	3.35%	2.50%
3 tháng	-6.35%	-8.44%	2.75%	3.97%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,704.31	253.97	119.41
% 1D	1.63%	0.29%	0.56%
GTKL (tỷ VND)	20,958	1,023	365
%1D	55.54%	18.83%	-7.77%
GDNN (tỷ VND)	521.39	30.80	-1.41

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	344.23	DGC	-634.73
SSI	307.26	VIC	-620.65
BSR	154.60	FPT	-118.73
VIX	150.56	HVN	-37.79
MSN	147.45	DGW	-29.50

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

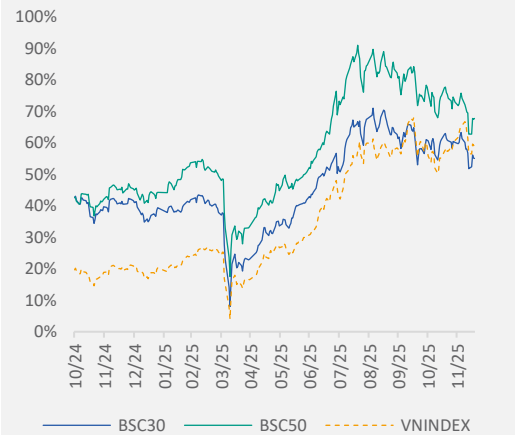
	%D	%W
SPX	0.79%	-1.83%
FTSE100	0.07%	2.02%
Eurostoxx	0.44%	-0.63%
Shanghai	0.36%	0.03%
Nikkei	1.03%	-2.63%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	59.69	-0.09%
Giá vàng	4,327	-0.87%
Tỷ giá		
USD/VND	26,405	-0.01%
EUR/VND	31,655	-0.05%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.2%	0.01%
LS LNH 1M	7.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

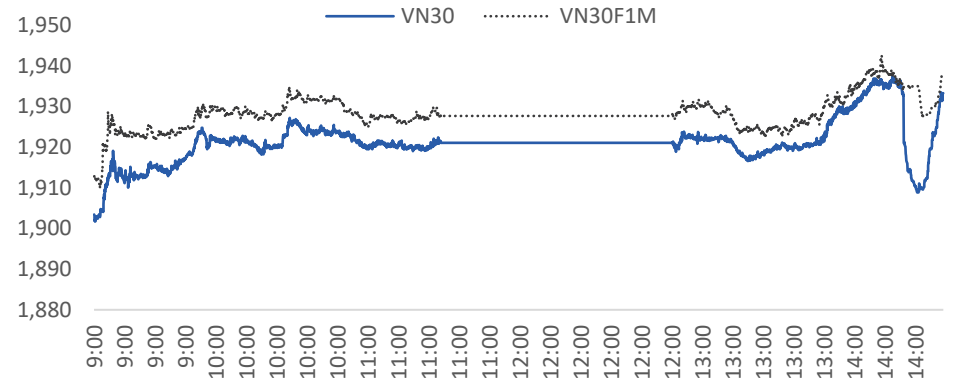
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1936.90	1.57%	217,702	737.5%	15/01/2026	27
41I1G6000	1924.40	1.31%	106	-19.1%	18/06/2026	181
41I1G1000	1936.90	1.57%	217,702	737.5%	15/01/2026	27
41I1G3000	1931.50	1.51%	116	23.40%	19/03/2026	90

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +29.81 điểm, đóng cửa tại 1933.28 điểm. Biên độ dao động 35.69 điểm. Các cổ phiếu như VHM, VIC, VJC, MSN, MWG tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 duy trì được sắc xanh từ khi mở cửa. Thanh khoản thị trường ghi nhận cải thiện so với phiên giao dịch trước. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên, chiến lược là long/short linh hoạt với phái sinh.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSSB2506	3/02/2026	46	20,100	20.09%	20.56	230	53.3%	0.02	21.02	17.50	17.50
CVHM2519	25/05/2026	157	19,300	24.88%	108.20	2,650	52.3%	1.01	126.75	101.50	101.50
CSHB2511	24/02/2026	67	5,300	20.68%	18.00	1,490	24.2%	0.49	19.49	16.15	16.15
CSTB2528	23/02/2026	66	769,100	5.76%	49.00	940	23.7%	1.13	51.82	49.00	49.00
CTCB2519	9/03/2026	80	215,800	32.44%	43.30	600	22.4%	0.07	44.50	33.60	33.60
CSTB2529	25/03/2026	96	30,100	34.86%	65.50	290	20.8%	0.20	66.08	49.00	49.00
CVHM2524	18/01/2027	395	117,300	65.64%	147.00	2,640	20.5%	0.51	168.12	101.50	101.50
CVHM2522	25/06/2026	188	62,700	29.66%	117.69	1,740	20.0%	0.63	131.61	101.50	101.50
CVHM2523	16/10/2026	301	78,400	57.24%	140.00	2,450	19.5%	0.43	159.60	101.50	101.50
CVRE2520	23/06/2026	186	10,100	18.68%	32.70	1,640	18.8%	1.09	37.62	31.70	31.70
CVRE2518	4/05/2026	136	21,600	7.88%	29.00	1,300	18.2%	1.16	34.20	31.70	31.70
CVHM2520	23/07/2026	216	1,000	27.98%	111.90	3,600	17.6%	1.52	129.90	101.50	101.50
CVHM2510	12/01/2026	24	3,000	0.04%	57.50	11,010	17.6%	11.04	101.54	101.50	101.50
CVHM2511	13/04/2026	115	7,400	0.77%	58.00	11,070	17.5%	11.09	102.28	101.50	101.50
CVHM2516	23/06/2026	186	5,100	19.01%	79.00	10,450	17.4%	6.43	120.80	101.50	101.50
CSTB2535	11/05/2026	143	24,500	47.98%	71.70	270	17.4%	0.14	72.51	49.00	49.00
CSTB2531	9/03/2026	80	681,400	25.16%	60.10	410	17.1%	0.23	61.33	49.00	49.00
CVIC2515	16/10/2026	301	39,900	19.72%	122.50	13,820	16.8%	9.06	177.78	148.50	148.50
CVHM2512	20/05/2026	152	24,400	2.66%	58.00	11,550	16.7%	11.16	104.20	101.50	101.50
CSTB2512	23/02/2026	66	64,400	4.32%	46.00	1,280	16.4%	1.27	51.12	49.00	49.00

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 19/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
- CSSB2506 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 53.33%. CHPG2524 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 5.07%.
- CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CVRE2525, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

CVIC2509, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	101.50	6.95%	6.31
VIC	148.50	4.06%	5.90
VJC	199.90	3.09%	2.65
MSN	75.80	2.43%	2.58
MWG	82.90	1.59%	2.36

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
DGC	70.20	-6.28%	-1.62
FPT	93.90	-0.53%	-1.15
LPB	43.50	-0.68%	-0.60
SAB	49.70	-1.00%	-0.11
BID	37.70	-0.79%	-0.06

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	101.50	6.95%	6.91	4.11
VIC	148.50	4.06%	5.58	3.88
VPL	93.80	5.63%	2.26	1.79
VCB	57.50	1.23%	1.41	8.36
BSR	15.95	6.69%	1.27	5.01

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIF	16.00	6.67%	0.22	0.35
IDC	37.20	2.20%	0.18	0.38
SHS	21.30	1.43%	0.16	0.90
HHC	135.80	9.60%	0.13	0.02
PVI	92.50	0.98%	0.12	0.23

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	101.50	6.95%	6.40	6.22
TRA	74.30	6.91%	0.05	0.09
MDG	24.90	6.87%	0.00	0.01
FTS	34.15	6.72%	0.18	4.14
BSR	15.95	6.69%	1.18	24.81

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VTV	14.40	9.92%	0.17	0.46
HCC	27.80	9.88%	0.07	0.03
HHC	135.80	9.60%	0.83	0.00
VC1	15.00	9.49%	0.07	0.01
QST	29.00	9.43%	0.03	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	37.70	-0.79%	-0.50	7.02
DGC	70.20	-6.28%	-0.40	0.38
GEE	184.00	-2.13%	-0.34	0.37
HVN	25.70	-1.72%	-0.33	3.11
LPB	43.50	-0.68%	-0.21	2.99

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	32.30	-1.52%	-0.14	0.48
DTK	11.90	-2.46%	-0.12	0.68
BAB	12.10	-1.63%	-0.12	1.00
NTP	64.00	-1.39%	-0.09	0.17
KSV	92.30	-0.75%	-0.08	0.20

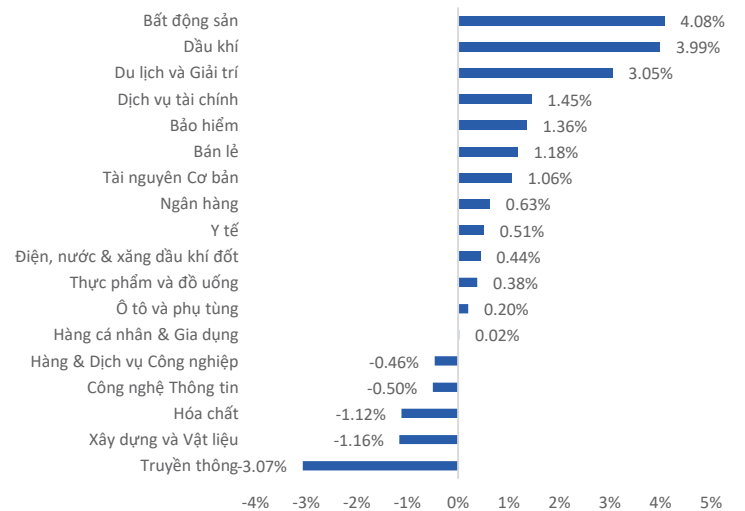
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HID	7.79	-6.93%	-0.01	3.74
HU1	6.38	-6.86%	0.00	0.00
QCG	15.85	-6.76%	-0.07	2.07
HII	6.50	-6.74%	-0.01	0.57
VTB	16.45	-6.53%	0.00	0.09

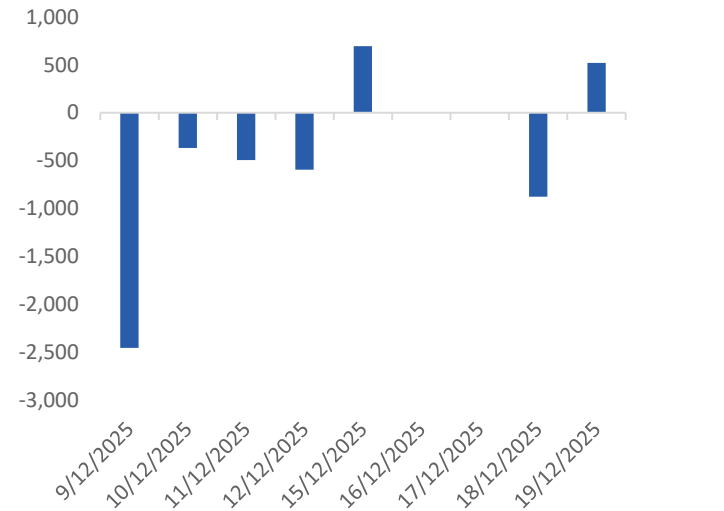
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DDG	1.20	-7.69%	-0.03	1.20
SDA	2.40	-7.69%	-0.02	0.23
KTS	33.30	-6.98%	-0.05	0.00
HTC	30.90	-6.93%	-0.14	0.00
TV4	14.80	-6.33%	-0.07	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	82.9	1.6%	1.3	119,826	537.4	3,956	20.6	106,000	46.5%	Link
KBC	Bất động sản	34.3	1.5%	1.5	31,831	65.6	1,872	18.1	46,000	10.2%	Link
KDH	Bất động sản	32.7	1.7%	1.2	36,023	136.2	857	37.4	39,900	27.9%	Link
PDR	Bất động sản	19.3	1.3%	1.6	18,665	271.0	211	90.3	28,200	8.3%	Link
VHM	Bất động sản	101.5	7.0%	1.4	389,793	616.3	6,133	15.5	119,600	8.8%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	93.9	-0.5%	0.7	160,811	498.2	5,280	17.9	118,700	39.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.0	6.7%	0.0	74,859	391.2	413		23,200	0.7%	Link
PVS	Dầu khí	32.3	-1.5%	1.4	16,775	116.0	2,841	11.6	42,800	13.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.1	0.4%	1.3	24,839	198.5	1,363	16.9		34.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	30.8	3.2%	1.4	74,359	1346.9	1,870	16.0		32.2%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.8	1.6%	1.3	29,073	295.6	1,587	21.6		14.7%	
DCM	Hóa chất	31.9	-0.2%	1.0	16,914	23.6	3,578	8.9	47,300	3.6%	Link
DGC	Hóa chất	70.2	-6.3%	0.7	28,445	2631.5	8,296	9.0	109,300	10.2%	Link
ACB	Ngân hàng	23.9	0.2%	0.8	122,509	162.9	3,385	7.1	28,400	28.7%	Link
BID	Ngân hàng	37.7	-0.8%	0.8	266,812	79.4	3,781	10.1	49,500	17.1%	Link
CTG	Ngân hàng	34.5	0.3%	1.0	266,796	278.9	4,292	8.0	53,500	25.7%	Link
HDB	Ngân hàng	26.0	1.4%	1.4	128,135	550.0	2,827	9.1	34,400	23.6%	Link
MBB	Ngân hàng	24.7	0.2%	1.1	198,556	297.4	3,017	8.2	29,300	21.1%	Link
MSB	Ngân hàng	12.7	1.6%	1.1	39,000	69.9	1,729	7.2	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	49.0	2.1%	1.0	90,490	365.2	6,519	7.4		14.2%	
TCB	Ngân hàng	33.6	1.8%	1.2	233,846	338.8	3,111	10.6	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	0.9%	1.1	46,327	66.3	2,358	7.1	-	24.6%	Link
VCB	Ngân hàng	57.5	1.2%	0.7	474,602	248.6	4,202	13.5	73,200	21.2%	Link
VIB	Ngân hàng	17.6	0.6%	1.0	59,570	60.3	2,225	7.9	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.5	0.5%	1.4	224,530	303.9	2,603	10.9	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.7	1.1%	1.0	202,632	920.2	1,876	14.1	33,170	19.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	1.6%	1.3	9,718	30.9	1,178	13.3	19,800	4.5%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.9	-2.5%	0.9	11,007	249.4	4,150	6.9	28,800	2.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	75.8	2.4%	1.2	106,998	685.9	2,196	33.7	98,300	22.5%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.0	0.2%	0.6	133,548	193.7	4,160	15.4	64,500	50.6%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	40.2	-0.74%	1.1	8,946	54.0	2,410	16.8	22.8%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	144.0	0.49%	1.1	24,404	64.9	3,620	39.6	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.0	1.12%	0.8	39,640	18.2	3,578	14.9	26.8%	11.3%	
DIG	Bất động sản	18.0	0.28%	1.3	14,256	145.4	525	34.1	3.7%	4.4%	
DXG	Bất động sản	17.8	3.19%	1.5	19,189	273.5	400	43.2	18.6%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	24.1	1.26%	1.3	4,754	57.2	3,057	7.8	3.1%	25.2%	
HDG	Bất động sản	28.2	-0.70%	1.5	10,507	41.3	938	30.3	20.6%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.2	2.20%	1.2	13,814	55.1	4,849	7.5	11.3%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	31.7	0.96%	1.1	15,235	32.0	2,128	14.8	44.8%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	52.2	1.75%	1.1	12,420	11.0	5,474	9.4	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	29.6	0.00%	1.2	5,319	3.9	1,763	16.8	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	18.8	2.17%	1.5	16,783	89.8	801	23.0	12.3%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	148.5	4.06%	0.9	1,099,651	1974.1	1,147	124.4	3.2%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	31.7	4.45%	1.7	68,965	339.9	2,144	14.2	13.6%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	35.2	-0.42%	0.8	7,485	6.1	1,833	19.3	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	34.9	0.14%	0.7	44,217	39.6	2,090	16.7	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	1.85%	1.2	15,064	305.7	1,602	16.9	9.5%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	34.2	6.72%	1.1	11,088	138.2	1,262	25.4	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.4	1.15%	1.6	17,192	62.3	1,667	15.7	4.0%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.0	1.11%	0.7	152,740	44.9	5,014	12.6	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.2	-0.81%	0.9	37,735	128.3	681	18.1	4.2%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	61.9	0.65%	0.7	33,312	21.3	4,776	12.9	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	199.9	3.09%	0.9	114,713	433.1	2,897	66.9	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.3	0.24%	1.6	38,081	467.1	2,313	18.3	7.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.5	1.88%	1.0	24,907	137.7	3,498	16.7	42.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-0.86%	0.8	9,794	203.3	6,185	9.4	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.3	-0.27%	0.9	8,600	28.7	2,090	8.8	9.1%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	98.6	-2.18%	0.0	12,276	40.9	3,139	32.1	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	92.5	0.65%	0.7	31,352	50.9	6,915	13.3	48.9%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	26.8	-1.47%	0.8	3,042	25.1	2,535	10.7	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.1	-0.55%	1.2	2,343	7.0	2,864	6.4	16.3%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.5	1.12%	1.0	15,128	59.1	1,212	18.4	3.5%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.5	-0.38%	1.6	106,200	22.7	1,569	16.9	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	21.5	0.23%	1.1	39,955	137.4	1,635	13.1	2.8%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	43.5	-0.68%	0.8	130,843	80.7	3,469	12.6	0.9%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.5	1.40%	0.0	24,534	101.5	2,337	6.1	1.6%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.0	0.84%	0.9	31,690	10.7	1,460	8.2	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	0.33%	1.3	6,691	37.4	571	26.2	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	27.1	-0.73%	1.2	7,269	13.7	2,829	9.7	4.5%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	-1.54%	0.7	10,838	148.0	1,715	20.8	3.1%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	49.7	-1.00%	0.6	64,385	59.4	3,373	14.9	58.6%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	54.5	0.00%	0.8	12,233	17.6	6,944	7.9	19.4%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	174.0	-5.74%	0.1	15,112	60.5	14,639	12.6	85.2%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.3	-1.49%	0.9	8,165	30.2	6,560	12.3	48.8%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	83.7	-0.12%	0.8	9,586	12.9	5,128	16.3	4.9%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	40.6	0.25%	1.0	4,077	7.4	3,037	13.3	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	13.9	-1.77%	1.3	7,014	59.9	1,106	12.8	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.6	-1.60%	1.1	9,007	25.1	1,377	15.9	12.7%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.9	-0.62%	1.0	15,515	91.4	6,148	3.9	4.3%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	40.5	-1.58%	1.2	18,450	16.3	3,090	13.3	2.6%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Click
2	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Click
3	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
4	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
5	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
7	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
9	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
10	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỷ nguyên vươn mình		x	Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
14	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
15	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
16	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
17	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
19	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
20	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
21	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
22	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
23	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
24	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
25	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
26	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>